**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1I NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Giới thiệu về chăn nuôi** | *Vai trò, triển vọng của chăn nuôi* | 1 | 1 |  |  | ½ | 5 |  |  | 1 | ½ | **6** | **43%**  **4,3 điểm** |
| *Một số* *vật nuôi phổ biến ở nước ta* | 1 | 1 |  |  | ½ | 5 |  |  | 1 | ½ | **6** |
| *Phương thức chăn nuôi* | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | **1** |
| *Ngành nghề trong chăn nuôi* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi* | 1 | 1 |  |  |  |  | 1 | 5 | 1 | 1 | **6** |
| **2** | **Nuôi dưỡng và**  **chăm sóc vật nuôi** | *Vai trò của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi* | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  | **3** | **17%**  **1, 7 điểm** |
| *Nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi* | 2 | 2 |  |  |  |  |  |  | 2 |  | **2** |
| 3 | **Phòng và trị bệnh cho vật nuôi** | *Vai trò của phòng, trị bệnh cho vật nuôi* |  |  | 1 | 2 |  |  |  |  | 1 |  | **2** | **20%**  **2,0 điểm** |
| *Nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi* | 1 | 1 | 1 | 2 |  |  |  |  | 2 |  | **3** |
| *Phòng, trị bệnh cho vật nuôi* | 2 | 2 | 1 | 2 |  |  |  |  | 3 |  | **4** |
| **4** | **Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ** | *Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc gà thịt* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | **20%**  **2 điểm** |
| *Phòng trị bệnh cho gà thịt* |  |  | 1 | 12 |  |  |  |  |  | 1 | **12** |
| ***Tổng*** | | | ***12*** | ***12*** | ***4*** | ***18*** | ***1*** | ***10*** | ***1*** | ***5*** | ***15*** | ***3*** | ***45*** |  |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **70** | **30** | **100** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | |  |  | **100** | **100** |

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2022-2023**

**MÔN CÔNG NGHỆ LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Giới thiệu về chăn nuôi** | *Vai trò, triển vọng của chăn nuôi* | **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế.  - Nêu được triển vọng của chăn nuôi ở Việt nam.  **Hiểu:**  Hiểu được vai trò của một số loại vật nuôi cụ thể | 1 | ½ |  |  |
| *Một số* *vật nuôi phổ biến ở nước ta* | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều ở nước ta (gia súc, gia cầm...).  - Nhận biết được một số vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta (gia súc, gia cầm.). | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  - So sánh được các đặc điểm cơ bản của các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta.  - Phân biệt được vật nuôi gia súc và gia cầm |  | ½ |  |  |
| *Phương thức chăn nuôi* | **Nhận biết:**   * Nêu được các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta. | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Nêu được ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  - Đề xuất được phương thức chăn nuôi phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở địa phương.  - |  |  |  |  |
|  | *Ngành nghề trong chăn nuôi* | **Nhận biết:**   * Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  Nhận thức được sở thích và sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  **-** Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân về các nghề trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
|  | *Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi* | **Nhận biết:**   * Nêu được các vai trò việc vệ sinh chuồng trại trong chăn nuôi. | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Nêu được những việc nên làm và không nên làm đề bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ở gia đình và địa phương. |  |  |  | 1 |
| 2 | **Nuôi dưỡng và**  **chăm sóc vật** | *Vai trò của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi* | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. | 3 |  |  |  |
| *Nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi* | **Nhận biết:**   * Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. | 2 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc cho một loại vật nuôi phổ biến. * So sánh được kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản. |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Vận dụng được kiến thức về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi vào thực tiễn của gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| 3 | ***Phòng và trị bệnh cho vật nuôi*** | *Vai trò của phòng, trị bệnh cho vật nuôi* | **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  - Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi. |  |  |  |  |
| *Nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi* | **Nhận biết:**   * Nêu được các nguyên nhân chính gây bệnh cho vật nuôi. | 2 |  |  |  |
| *Phòng, trị bệnh cho vật nuôi* | **Nhận biết:** Cách đơn giản nhất để phòng trị bệnh cho vật nuôi |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Trình bày được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một số loại vật nuôi phổ biến. * Nêu được những việc nên làm, không nên làm để phòng bệnh cho vật nuôi. |  | 1  2 |  |  |
| **Vận dụng:**   * Vận dụng được kiến thức phòng trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc, phòng, trị bệnh một loại vật nuôi trong gia đình. |  |  |  |  |
| 4 | **Chăn nuôi gà thịt trong nông hộ** | *Kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc gà thịt nông hộ* | **Nhận biết:**  - Trình bày được kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc gà thịt |  |  |  |  |
| *Phòng trị bệnh cho gà thịt nông hộ* | **Vận dụng:**  - Vì sao trong phòng trị bệnh cho gà cần thực hiện tốt nguyên tắc phòng là chính |  |  | 1 |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Họ và tên HS**  **Lớp Trường THCS Kim Đồng** | | **KIỂM TRA GIỮA KỲ II (2022 - 2023)**  **MÔN: CÔNG NGHỆ 7**  **Thời gian làm bài: 45 phút**  **ĐỀ 1** |
|
| **Số báo danh:** | **Phòng thi:** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm:** | **Họ tên, chữ ký GK1** | **Họ tên, chữ ký GK2** | **Họ tên, chữ ký GT** |
|  |  |  |

**I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) Khoanh tròn vào trước đáp án đúng nhất?**

**Câu 1: Một trong những biện pháp chính để bảo vệ môi trường chăn nuôi là**

**A.** quy hoạch, đưa trại chăn nuôi ra xa khu dân cư.

**B.** vệ sinh chuồng nuôi, đưa chất thải chăn nuôi xuống ao hoặc sông, hồ.

**C.** vứt xác vật nuôi bị chết ra bãi rác.

**D.** cho chó, mèo đi vệ sinh ở các bãi cỏ hoặc ven đường.

**Câu 2: Trong các sản phẩm chăn nuôi sau đây, sản phẩm nào *không* phải của bò?**

**A.** Trứng.

**B.** Thịt.

**C.** Sữa.

**D.** Da.

**Câu 3: Phát biểu nào dưới đây là *không* đúng về vai trò của chăn nuôi?**

**A.** Sản phẩm chăn nuôi có giá trị dinh dưỡng cao, là nguồn cung cấp dinh dưỡng quan trọng cho con người.

**B.** Phát triển chăn nuôi góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

**C.** Chất thải vật nuôi là nguồn phân hữu cơ quan trọng, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm trồng trọt.

**D.** Sản phẩm chăn nuôi là nguồn cung cấp lương thực chính cho con người.

**Câu 4: Đâu là ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi?**

**A.** Kĩ sư chăn nuôi. **B.** Bác sĩ thú **C.** Kĩ sư trồng trọt. **D.** Cả A và B đúng.

**Câu 5: Đâu là đặc điểm của chăn nuôi nông hộ?**

**A.** Chăn nuôi tại hộ gia đình với số lượng vật nuôi lớn. **B.** Chăn nuôi tại hộ gia đình với số lượng vật nuôi ít.

**C.** Chăn nuôi tại khu vực riêng biệt, xa nhà ở, số lượng vật nuôi nhiều.

**D.** Chăn nuôi tại khu vực riêng biệt, xa nhà ở, số lượng vật nuôi tuỳ theo từng trang trại.

**Câu 6: Cần cho vật nuôi non bú sữa đâu càng sớm càng tốt vì sữa đầu chứa**

**A.** nhiều calcium giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật. **B.** kháng sinh giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

###### **C.** kháng thể giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật. **D.** vaccine giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

**Câu 7: Vật nuôi non có những đặc điểm nào sau đây?**

1. Khả năng điều tiết thân nhiệt chưa tốt.  2. Ít bị tác động bởi sự thay đổi của nhiệt độ môi trường.

3. Chức năng hệ tiêu hoá chưa hoàn thiện. 4. Chống chịu tốt trước các điều kiện bất lợi của môi trường.

5. Chức năng hệ hô hấp chưa hoàn thiện. 6. Chức năng hệ miễn dịch chưa hoàn thiện.

**A.** 1, 2, 4, 6.

###### **B.** 1, 3, 5, 6.

**C.** 2, 3, 5, 6.

**D.** 3, 4, 5, 6.

**Câu 8: Trong các cách cho đực giống ăn sau đây, cách nào là đúng?**

###### **A.** Cho ăn vừa đủ, thức ăn chất lượng cao, giàu chất đạm.

**B.** Cho ăn vừa đủ, thức ăn chất lượng cao, giàu lipid.

**C.** Cho ăn tự do, thức ăn chất lượng cao, giàu chất đạm.

**D.** Cho ăn tự do, thức ăn chất lượng cao, giàu chất lipid.

**Câu 9: Ý nào dưới đây *không* phải là yêu cầu cần đạt khi nuôi dưỡng và chăm sóc gia súc cái sinh sản giai đoạn mang thai?**

**A.** Vật nuôi khoẻ mạnh để nuôi thai.

**B.** Có nhiều sữa.

###### **C.** Lớn nhanh và cho nhiều thịt.

**D.** Con sinh ra khoẻ mạnh.

**Câu 10: Khi phát hiện vật nuôi bị ốm, hành động nào sau đây của người chăn nuôi là đúng?**

**A.** Tiếp tục theo dõi thêm một vài hôm. **B.** Bán ngay khi có thể.

###### **C.** Báo ngay cho cán bộ thú y đến khám để điều trị kịp thời. **D.** Tự mua thuốc về điều trị.

**Câu 11: Bệnh nào dưới đây do các vi sinh vật gây ra?**

**A.** Bệnh giun, sán.

**B.** Bệnh cảm lạnh.

###### **C.** Bệnh gà rù.

**D.** Bệnh ve, rận.

**Câu 12: Biện pháp phòng bệnh chủ động hiệu quả nhất cho vật nuôi là**

###### **A.** Sử dụng vaccine. **B.** Cho con vật ăn càng nhiều càng tốt.

**C.** Cho con vật vận động càng nhiều càng tốt. **D.** Cho con vật sử dụng thuốc kháng sinh thường xuyên.

**Câu 13: Bệnh nào dưới đây có thể phát triển thành dịch?**

**A.** Bệnh viêm dạ dày. **B.** Bệnh giun đũa ở gà. **C.** Bệnh ghẻ. **D.** Bệnh tả lợn châu Phi.

**Câu 14: Các bệnh có thể lây lan nhanh thành dịch, làm chết nhiều vật nuôi thường có nguyên nhân chính là do**

**A.** thời tiết không phù hợp.

###### **B.** vi khuẩn và virus.

**C.** thức ăn không đảm bảo vệ sinh.

**D.** chuồng trại không phù hợp.

**Câu 15: Biết được nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi sẽ giúp ích gì?**

###### **A.** Xác định được phương pháp phòng và trị bệnh phù hợp.

**B.** Xác định được phương pháp nuôi dưỡng phù hợp.

**C.** Xác định được phương pháp chăm sóc phù hợp.

**D.** Xác định được phương pháp nâng cao năng suất chăn nuôi.

**II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)**

**Câu 16. (2 điểm)** Kể tên 2 loại vật nuôi là gia cầm và 1 loại vật nuôi là gia súc mà em biết. Trình bày vai trò của 3 loại vật nuôi đó?

**Câu 17. (2 điểm)** Vì sao trong phòng trị bệnh cho gà cần thực hiện tốt nguyên tắc phòng là chính?

**Câu 18. (1 điểm)** Ngày nay người ta cho rằng chất thải chăn nuôi là nguồn tài nguyên rất có giá trị. Em cho biết ý kiến trên đúng hay sai. Tại sao?

**Bài làm:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Họ và tên HS**  **Lớp Trường THCS Kim Đồng** | | **KIỂM TRA GIỮA KỲ II (2022 - 2023)**  **MÔN: CÔNG NGHỆ 7**  **Thời gian làm bài: 45 phút**  **ĐỀ 2** |
|
| **Số báo danh:** | **Phòng thi:** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm:** | **Họ tên, chữ ký GK1** | **Họ tên, chữ ký GK2** | **Họ tên, chữ ký GT** |
|  |  |  |

**I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) Khoanh tròn vào trước đáp án đúng nhất?**

**Câu 1: Trong các sản phẩm chăn nuôi sau đây, sản phẩm nào *không* phải của gà?**

**A.** Trứng.

**B.** Thịt.

**C.** Sữa.

**D.** Lông.

**Câu 2: Phát biểu nào dưới đây là *không* đúng về vai trò của chăn nuôi?**

**A.** Sản phẩm chăn nuôi có giá trị dinh dưỡng cao, là nguồn cung cấp dinh dưỡng quan trọng cho con người.

**B.** Phát triển chăn nuôi góp phần tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

**C.** Chất thải vật nuôi là nguồn phân hữu cơ quan trọng, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm trồng trọt.

**D.** Sản phẩm chăn nuôi là nguồn cung cấp lương thực chính cho con người.

**Câu 3: Đâu là ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi?**

**A.** Kĩ sư chăn nuôi.

**B.** Bác sĩ thú y.

**C.** Kĩ sư trồng trọt.

**D.** Cả A và B đúng.

**Câu 4: Hoạt động nào trong chăn nuôi dưới đây có thể gây ô nhiễm môi trường?**

**A.** Xây hầm biogas để xử lí chất thải cho các trang trại chăn nuôi.

**B.** Thường xuyên vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ. **C.** Thu chất thải để ủ làm phân hữu cơ.

**D.** Thả rông vật nuôi, nuôi vật nuôi dưới gầm nhà sàn.

**Câu 5: Ý nào dưới đây là phù hợp nhất để mô tả chăn nuôi công nghệ cao?**

**A.** Ứng dụng một cách thích hợp các công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm giảm công lao động qua đó nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm chăn nuôi đồng thời bảo vệ môi trường; là xu thế chăn nuôi đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới hiện nay.

**B.** Ứng dụng một cách thích hợp các công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm kiểm soát tốt dịch bệnh; là xu thế chăn nuôi đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới hiện nay.

**C.** Ứng dụng một cách thích hợp các công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn; là xu thế chăn nuôi đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới hiện nay.

**D.** Ứng dụng một cách thích hợp các công nghệ hiện đại, tiên tiến nhằm giảm chi phí nhân công; là xu thế chăn nuôi đang phát triển mạnh mẽ trên thế giới hiện nay.

[**Câu 6: Bệnh nào sau đây có nguyên nhân do thiếu dinh dưỡng?**](https://khoahoc.vietjack.com/question/1037333/benh-nao-sau-day-co-nguyen-nhan-do-thieu-dinh-duong-hzcea)

**A.** Bệnh cảm nóng ở gà.

**B.** Bệnh cúm gia cầm.

**C.** Bệnh ghẻ ở chó.

**D.** Bệnh còi xương ở lợn.

**Câu 7: Cần cho vật nuôi non bú sữa đâu càng sớm càng tốt vì sữa đầu có chứa**

**A.** nhiều calcium giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật. **B.** kháng sinh giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

###### **C.** kháng thể giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật. **D.** vaccine giúp cho cơ thể con chống lại bệnh tật.

**Câu 8: Trong các cách cho đực giống ăn sau đây, cách nào là đúng?**

###### **A.** Cho ăn vừa đủ, thức ăn chất lượng cao, giàu chất đạm. **B.** Cho ăn vừa đủ, thức ăn chất lượng cao, giàu lipid.

**C.** Cho ăn tự do, thức ăn chất lượng cao, giàu chất đạm. **D.** Cho ăn tự do, thức ăn chất lượng cao, giàu chất lipid.

**Câu 9: Ý nào dưới đây *không* phải là yêu cầu cần đạt khi nuôi dưỡng và chăm sóc gia súc cái sinh sản giai đoạn mang thai?**

**A.** Vật nuôi khoẻ mạnh để nuôi thai.

**B.** Có nhiều sữa.

###### **C.** Lớn nhanh và cho nhiều thịt.

**D.** Con sinh ra khoẻ mạnh.

**Câu 10: Đâu là phát biểu *không* đúng về biện pháp nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non.**

**A.** Cho con non bú sữa đầu của mẹ càng sớm càng tốt. **B.** Giữ ấm cho vật nuôi, chăm sóc chu đáo.

###### **C.** Tắm chải thường xuyên. **D.** Cho vật nuôi non vận động và tiếp xúc với ánh nắng vào buổi sáng sớm.

**Câu 11: Việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non có ý nghĩa quan trọng bởi vì**

**A.** con vật còn nhỏ nên ăn ít. **B.** con vật còn nhỏ nên đáng yêu hơn.

###### **C.** giai đoạn này là nền tảng cho sự sinh trưởng và phát triển các giai đoạn sau của vật nuôi.

**D.** con vật còn nhỏ nên dễ chăm sóc.

**Câu 12: Khi phát hiện vật nuôi bị ốm, hành động nào sau đây của người chăn nuôi là đúng?**

**A.** Tiếp tục theo dõi thêm một vài hôm. **B.** Bán ngay khi có thể.

###### **C.** Báo ngay cho cán bộ thú y đến khám để điều trị kịp thời. **D.** Tự mua thuốc về điều trị.

**Câu 13: Biện pháp phòng bệnh chủ động hiệu quả nhất cho vật nuôi là**

###### **A.** Sử dụng vaccine. **B.** Cho con vật ăn càng nhiều càng tốt.

**C.** Cho con vật vận động càng nhiều càng tốt. **D.** Cho con vật sử dụng thuốc kháng sinh thường xuyên.

**Câu 14: Bệnh nào dưới đây có thể phát triển thành dịch?**

**A.** Bệnh viêm dạ dày.

**B.** Bệnh giun đũa ở gà.

**C.** Bệnh cúm H5N1.

###### **D.** Bệnh ghẻ .

**Câu 15: Các bệnh có thể lây lan nhanh thành dịch, làm chết nhiều vật nuôi thường có nguyên nhân chính là do**

**A.** thời tiết không phù hợp.

###### **B.** vi khuẩn và virus.

**C.** thức ăn không đảm bảo vệ sinh.

**D.** chuồng trại không phù hợp.

**II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)**

**Câu 16. (2 điểm)** Kể tên 2 loại vật nuôi là gia cầm và 1 loại vật nuôi là gia súc mà em biết. Trình bày vai trò của 3 loại vật nuôi đó?

**Câu 17. (2 điểm)** Vì sao trong phòng trị bệnh cho gà cần thực hiện tốt nguyên tắc phòng là chính?

**Câu 18. (1 điểm)** Ngày nay người ta cho rằng chất thải chăn nuôi là nguồn tài nguyên rất có giá trị. Em cho biết ý kiến trên đúng hay sai. Tại sao?

**Bài làm:**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………

**HƯỚNG DẪN CHẤM (ĐỀ 1)**

**I/ TRẮC NGHIỆM. (5,00 điểm) .** 3 câu 1 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CÂU | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| Đ/ÁN | A | A | D | D | B | C | B | A | C | C | C | A | D | B | A |

**II/ TỰ LUẬN. (5,00 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 16 | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Vật nuôi | | Vai trò | | Gia súc | Trâu | Nuôi lấy thịt, cung cấp sức kéo trong nông nghiệp | | Gia cầm | Gà | Nuôi lấy thịt | | Vịt | Nuôi lấy thịt, cung cấp nguyên liệu cho dệt may | | Kể tên được 3 vật nuôi: 1 điểm  Nêu được vài trò tương ứng của 3 vật nuôi: 1 điểm |
| 17 | - Gà sẽ phát triển, sinh trưởng tốt.  - Gà sẽ cho năng suất và chất lượng cao.  - Khi gà mắc bệnh, việc chữa trị sẽ rất khó khăn, ảnh hưởng tới sự sinh trưởng, phát triển và năng suất của gà thịt.  - Tốn chi phí chữa trị nhưng có thể không khỏi bệnh dẫn đến gây tổn thất về kinh tế | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| 18 | Ý kiến đó có hai mặt, vừa đúng vừa chưa đúng.  Giải thích:  - Chất thải chăn nuôi chỉ được xem là nguồn tài nguyên có giá trị nếu người chăn nuôi biết cách xử lí, sử dụng đúng cách. Ví dụ sử dụng chất thải chăn nuôi làm nguồn cung cấp khí đốt (biogas)  - Chất thải chăn nuôi được xem là gây hại tới cuộc sống con người và môi trường xung quanh nếu người chăn nuôi không xử lí tốt chất thải. Gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, ảnh hưởng đến sức khỏe và cuộc sống người dân xung quanh. | 0,5  0,5 |

**HƯỚNG DẪN CHẤM (ĐỀ 2)**

**I/ TRẮC NGHIỆM. (5,00 điểm) .** 3 câu 1 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CÂU | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| Đ/ÁN | C | D | D | D | A | D | C | A | C | C | C | C | A | C | B |

**II/ TỰ LUẬN. (5,00 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 16 | |  |  |  | | --- | --- | --- | | Vật nuôi | | Vai trò | | Gia súc | Trâu | Nuôi lấy thịt, cung cấp sức kéo trong nông nghiệp | | Gia cầm | Gà | Nuôi lấy thịt | | Vịt | Nuôi lấy thịt, cung cấp nguyên liệu cho dệt may | | Kể tên được 3 vật nuôi: 1 điểm  Nêu được vài trò tương ứng của 3 vật nuôi: 1 điểm |
| 17 | - Gà sẽ phát triển, sinh trưởng tốt.  - Gà sẽ cho năng suất và chất lượng cao.  - Khi gà mắc bệnh, việc chữa trị sẽ rất khó khăn, ảnh hưởng tới sự sinh trưởng, phát triển và năng suất của gà thịt.  - Tốn chi phí chữa trị nhưng có thể không khỏi bệnh dẫn đến gây tổn thất về kinh tế | 0,5  0,5  0,5  0,5 |
| 18 | Ý kiến đó có hai mặt, vừa đúng vừa chưa đúng.  Giải thích:  - Chất thải chăn nuôi chỉ được xem là nguồn tài nguyên có giá trị nếu người chăn nuôi biết cách xử lí, sử dụng đúng cách. Ví dụ sử dụng chất thải chăn nuôi làm nguồn cung cấp khí đốt (biogas)  - Chất thải chăn nuôi được xem là gây hại tới cuộc sống con người và môi trường xung quanh nếu người chăn nuôi không xử lí tốt chất thải. Gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, ảnh hưởng đến sức khỏe và cuộc sống người dân xung quanh. | 0,5  0,5 |